

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính Nhà nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22/8/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc công bố, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ;

Căn cứ Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2960/TTr-SKHĐT ngày 18/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 1771/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; Các phòng, ban, TT;
- Lưu: VT, P.KSTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

PHẦN 1:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC NGÀNH
KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên TTHC nội bộ	Lĩnh vực	Cơ quan/ người có thẩm quyền giải quyết	Trang
I	LĨNH VỰC THUỘC PHÒNG ĐẦU TƯ, THẨM ĐỊNH VÀ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ			
1	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn	Quản lý đầu tư công	HĐND/ UBND cấp tỉnh	4
2	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công hằng năm	Quản lý đầu tư công	HĐND/ UBND cấp tỉnh	6
3	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Quản lý đầu tư công	UBND cấp tỉnh	8
4	Thẩm định và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Quản lý đầu tư công	UBND cấp tỉnh	20
5	Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng	Quản lý đầu tư công	UBND cấp tỉnh	23
6	Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ	Quản lý đầu tư công	HĐND/ UBND cấp tỉnh	26
7	Quyết định phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương	Quản lý đầu tư công	HĐND/ UBND cấp tỉnh	29
8	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công	Quản lý đầu tư công	HĐND/ UBND cấp tỉnh	35
II	LĨNH VỰC THUỘC PHÒNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH			
9	Lập Quy hoạch tỉnh	Quy hoạch	UBND cấp tỉnh	37
10	Đề nghị điều chỉnh quy hoạch	Quy hoạch	UBND cấp tỉnh	40
11	Cung cấp thông tin quy hoạch	Quy hoạch	UBND cấp tỉnh	43

PHẦN 2: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC THUỘC PHÒNG ĐẦU TƯ, THẨM ĐỊNH VÀ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ

1. Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Điều 55 Luật Đầu tư công.

(1) Trước ngày 30 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng, tiêu chí phân bổ mức vốn đầu tư công trung hạn dự kiến cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

(2) Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau với tổng mức vốn đầu tư công dự kiến bằng tổng mức vốn đầu tư công của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, thông báo tổng mức vốn đầu tư công dự kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để làm căn cứ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án giai đoạn sau.

(3) Trước ngày 15 tháng 8 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Bước 1: Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

+ Hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

+ Giao cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công (chủ đầu tư) tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý, báo cáo cơ quan cấp trên xem xét và gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư);

+ Giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công cấp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư) thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn của sở, ban, ngành thuộc tỉnh;

+ Giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công cấp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư) lập kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét;

+ Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

+ Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Bước 2: Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

+ Giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công cấp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư) hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước ngày 15 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

+ Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

Bước 3: UBND cấp tỉnh trình HĐND cho ý kiến:

Trước ngày 05 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cho ý kiến về các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật này.

Bước 4: HĐND quyết định kế hoạch đầu tư công:

Căn cứ nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn mới và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh và mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới, gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Bước 5: Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn, Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các đơn vị thực hiện, bao gồm tổng mức vốn, danh mục chương trình, dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố báo cáo, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Đầu tư công.

2. Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công hằng năm

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Điều 56 Luật Đầu tư công:

(1) Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau, bao gồm mục tiêu, định hướng chủ yếu và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công năm sau.

(2) Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

- Bước 1: Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

- Bước 2: Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, các cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp tỉnh quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 3: Trước ngày 25 tháng 7 hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau.

- Bước 4: Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Bước 5: Trước ngày 15 tháng 8 hằng năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến khả năng thu, chi ngân sách nhà nước và chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm sau. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo số vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương (NSTW) dự kiến phân bổ cho địa phương của kế hoạch năm sau.

- Bước 6: Trước ngày 25 tháng 8 hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Bước 7: Trước ngày 05 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

- Bước 8: Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

- Bước 9: Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch đầu tư công năm sau cho các đơn vị thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Chưa quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố báo cáo, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Đầu tư công.

3. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư công nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tại TTPVHCC tiếp nhận hồ sơ và chuyển về Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức phân công thẩm định (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành thẩm định và ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) theo ủy quyền của UBND tỉnh hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt (tối đa 9,5 ngày).

- Bước 4: UBND tỉnh Quyết định phê duyệt KHLCNT (tối đa 4,5 ngày).

- Bước 5: Văn phòng UBND tỉnh trả kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (tối đa 0,5 ngày).

☞ Lưu ý:

+ Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư có trách nhiệm xem xét, gửi thông báo qua hộp thư điện tử của người nộp hồ sơ biết về hồ sơ đã đủ điều kiện thẩm định và trình phê duyệt.

+ Sau khi nhận được thông báo về việc thẩm định KHLCNT, trong thời gian 02 ngày làm việc chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ KHLCNT bằng bản giấy (trong đó phải gửi hồ sơ dự án và dự toán được phê duyệt) kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử đến Sở Kế hoạch và Đầu tư theo đường bưu điện - Địa chỉ số 626, QL14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để Sở Kế hoạch và Đầu tư đối chiếu và lưu hồ sơ theo quy định.

+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ chủ đầu tư đã gửi qua mạng điện tử nếu nội dung đối chiếu thống nhất.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến.
- Hoặc thông qua hệ thống bưu chính công ích.
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ:
- Tờ trình phê duyệt KHLCNT.

- Quyết định phê duyệt dự án (đối với dự án đầu tư) hoặc quyết định phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán chi phí (đối với dự án quy hoạch).

- Hồ sơ dự án được phê duyệt (khi nộp hồ sơ trực tuyến chỉ Scan giá trị tổng mức đầu tư, dự toán được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc Thông báo kết quả thẩm định dự án của cơ quan có thẩm quyền).

- Quyết định phê duyệt dự toán và hồ sơ dự toán được phê duyệt (trường hợp đã phê duyệt dự toán, khi nộp hồ sơ trực tuyến chỉ Scan giá trị dự toán được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc Thông báo kết quả thẩm định dự toán của cơ quan có thẩm quyền).

- Các tài liệu chứng minh nguồn vốn cho dự án.

- Các văn bản chỉ đạo, kết luận của cấp có thẩm quyền liên quan (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, trong đó:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định: 10 ngày làm việc.

- UBND tỉnh phê duyệt: 05 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện TTHC: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu do UBND tỉnh phê duyệt.

- Quyết định phê duyệt (đối với trường hợp uỷ quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt).

- Văn bản phúc đáp (đối với trường hợp KHLCNT không đủ điều kiện để phê duyệt).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ trình phê duyệt KHLCNT (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023.

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

TỜ TRÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ KHĐT)

Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu**[ĐƠN VỊ TRÌNH¹]****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

TỜ TRÌNH²**Kế hoạch lựa chọn nhà thầu****dự án, dự toán mua sắm: ____ [tên dự án, dự toán mua sắm]**Kính gửi: ____ [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu³]

[Đơn vị trình] trình [người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm

1. Đối với dự án, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án
- Tổng mức đầu tư⁴

¹ Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu, trường hợp người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì đơn vị trình là chủ đầu tư; trường hợp chủ đầu tư (bao gồm cả trường hợp được người có thẩm quyền ủy quyền) hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì đơn vị trình là do chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án quy định.

² Trường hợp đã lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì cần đảm bảo nội dung của kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Trong trường hợp này, chủ đầu tư không cần giải trình, nêu lý do đối với các nội dung phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu. Trường hợp các nội dung của kế hoạch lựa chọn nhà thầu khác với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư phải giải trình, nêu rõ lý do trong tờ trình, báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định mà không phải trình, phê duyệt lại kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.

³ Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu.

⁴ Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì thay bằng “dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư”

- Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;

- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Đối với dự toán mua sắm, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm như sau:

a) Dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo niên độ ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách được cấp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm; dự kiến nguồn tài chính hợp pháp trong năm tài chính hoặc dự kiến nguồn tài chính hợp pháp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm;

b) Giá trị phần công việc mua sắm đã thực hiện trong năm tài chính, năm ngân sách;

c) Phần kinh phí không dùng để mua sắm;

d) Dự toán mua sắm, được xác định bằng kinh phí quy định tại điểm a khoản này trừ kinh phí quy định tại điểm b và điểm c khoản này. Chủ đầu tư không phải thẩm định, phê duyệt dự toán mua sắm.

Trường hợp chủ đầu tư có sẵn kinh phí để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính và không dùng nguồn thu dự kiến trong năm thì không phải xác định dự toán mua sắm theo quy định tại khoản này. Trong trường hợp này, dự toán mua sắm là khoản kinh phí có sẵn dùng để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dài hơn 01 năm hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực và ngày hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng không cùng một năm tài chính thì nêu rõ dự toán mua sắm của năm ngân sách, năm tài chính và dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo.

Trong phần này cũng nêu rõ tên chủ đầu tư; năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm.

Trường hợp hình thành dự án đầu tư đối với dự toán mua sắm và tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với dự án đầu tư thì tại Mục I (Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm) chỉ cần giới thiệu khái quát thông tin về dự án theo hướng dẫn tại Mục I.1 mà không phải giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm theo hướng dẫn tại Mục I.2. Trong trường hợp này, cần nêu rõ dự án đầu tư thuộc dự toán mua sắm (không phải là dự án đầu tư theo Luật đầu tư công, dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước

nắm giữ 100% vốn điều lệ). Thủ tục trình, thẩm định, phê duyệt các nội dung trong đấu thầu thực hiện theo quy định như đối với dự án đầu tư (hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo hướng dẫn tại ghi chú (6) Mục V.1).

II. Căn cứ pháp lý

Căn cứ __[Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu]; Căn cứ __[Ghi số, ngày ban hành và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Đối với dự án nêu căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023];

- Đối với dự toán mua sắm nêu căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023].

III. Phần công việc đã thực hiện⁽¹⁾

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽²⁾	Đơn vị thực hiện ⁽³⁾	Giá trị ⁽⁴⁾	Văn bản phê duyệt ⁽⁵⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]				

Ghi chú:

(1) Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị dự án, các gói thầu, công việc khác đã được thực hiện (gồm cả gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng chưa lựa chọn được nhà thầu, gói thầu đã lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng, gói thầu đã ký kết và đang thực hiện hợp đồng, gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đã thực hiện) với giá trị tương ứng và văn bản phê duyệt là căn cứ pháp lý để thực hiện.

(2) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(4) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền (ghi theo giá trị thanh lý, nghiệm thu hoặc giá hợp đồng,... tùy theo giá trị nào gần nhất với thời điểm trình).

(5) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc, ...).

IV. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu⁽¹⁾

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc ⁽²⁾	Đơn vị thực hiện ⁽³⁾	Giá trị ⁽⁴⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]			

Ghi chú:

(1) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm: hoạt động của ban quản lý dự án, tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng, trả lãi vay; các công việc do chủ đầu tư tự tiến hành bao gồm lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu; các công việc khác không áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu với giá trị tương ứng. Phần này bao gồm cả các gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng dự kiến sẽ mua sắm theo quy trình quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Đấu thầu. Trường hợp gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu mà dự kiến hình thành gói thầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các hình thức: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, chỉ định thầu, tự thực hiện, tham gia của cộng đồng, lựa chọn nhà thầu theo trường hợp đặc biệt, chào giá trực tuyến, mua sắm trực tuyến thì các gói thầu này thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục V. Trường hợp chủ đầu tư chưa dự kiến được gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng có thể phát sinh trong năm tài chính, năm ngân sách thì phần công việc này thuộc phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu tại Mục VI.

(2) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(4) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

V. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu⁽¹⁾:

Bảng số 3

Stt	Tên chủ đầu tư ⁽²⁾	Tên gói thầu ⁽³⁾		Giá gói thầu ⁽⁴⁾	Nguồn vốn ⁽⁵⁾	Hình thức lựa chọn nhà thầu ⁽⁶⁾	Phương thức lựa chọn nhà thầu ⁽⁷⁾	Thời gian tổ chức lựa chọn	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà	Loại hợp đồng ⁽¹⁰⁾	Thời gian thực hiện gói	Tùy chọn mua thêm ⁽¹²⁾	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										

								nhà thầu ⁽⁸⁾	thầu ⁽⁹⁾		thầu ⁽¹¹⁾		(13)
1													
2													
Tổng giá gói thầu [kết chuyển sang Bảng số 5]													

Ghi chú:

(1) Phân công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu rõ cơ sở của việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu tại Mục V.2 của tờ trình này.

(2) Điền tên chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án.

(3) Ghi tên gói thầu vào cột “Tên gói thầu”; nêu tóm tắt phạm vi công việc chính của gói thầu vào cột “Tóm tắt công việc chính của gói thầu”.

Nội dung, phạm vi công việc của gói thầu phù hợp với nội dung nêu trong quyết định phê duyệt dự án, phù hợp với dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần riêng biệt thì tên của từng phần cần thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.

(4) Giá gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(5) Nguồn vốn thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 38, khoản 3 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(6) Hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 39 của Luật Đấu thầu; việc áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II và khoản 6 Điều 43 Luật Đấu thầu, Mục 2, Mục 3 Chương VII Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Đối với gói thầu chỉ định thầu quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu trường hợp đề xuất áp dụng quy trình rút gọn thì ghi “chỉ định thầu rút gọn” vào Mục này; trường hợp đề xuất áp dụng quy trình thông thường thì ghi “chỉ định thầu thông thường” vào Mục này.

Trường hợp hình thành dự án đầu tư đối với dự toán mua sắm theo Mục I (Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm) và gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu (từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng) thì ghi “chỉ định thầu rút gọn” vào Mục này nếu đề xuất áp dụng quy trình rút gọn; ghi “chỉ định thầu thông thường” vào Mục này nếu đề xuất áp dụng quy trình thông thường.

Đối với chào giá trực tuyến, ghi rõ chào giá trực tuyến thông thường hoặc chào giá trực tuyến rút gọn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 98 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Đối với lựa chọn nhà thầu tư vấn cá nhân, ghi rõ lựa chọn tư vấn cá nhân thông thường hoặc lựa chọn tư vấn cá nhân quy trình rút gọn theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

(7) Phương thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II của Luật Đấu thầu. Trong đó, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ chỉ được áp dụng đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đòi hỏi kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ căn cứ quy định quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu; đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn thì không ghi nội dung này.

(8) Ghi tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (là số ngày tối đa tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả thời gian thẩm định. Trường hợp cần thiết, có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thời gian thẩm định vào mục này.

Trường hợp gói thầu có lựa chọn danh sách ngắn thì thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu bao gồm cả thời gian lựa chọn danh sách ngắn tính từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm đến khi có kết quả lựa chọn danh sách ngắn (có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, thời gian thẩm định).

Đối với trường hợp xử lý tình huống theo quy định tại khoản 4 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu, không phải điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

(9) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

(10) Loại hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật Đấu thầu.

(11) Thời gian thực hiện gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu.

Thời gian thực hiện gói thầu cần phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì quy định cụ thể thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần.

Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, thời gian thực hiện gói thầu căn cứ theo thỏa thuận khung.

(12) Tùy chọn mua thêm chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm rộng rãi, đàm phán giá và thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi rõ khối lượng, số lượng có thể mua bổ sung theo tỷ lệ phần trăm so với khối lượng tương ứng của hợp đồng nhưng bảo đảm không vượt 30%; nêu giá trị ước tính tương ứng. Trường hợp không áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi “không áp dụng”.

(13) Đối với gói thầu được đề xuất áp dụng giám sát, ghi rõ cá nhân, đơn vị được đề xuất thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu kèm theo email, số điện thoại, địa chỉ liên hệ. Đối với gói thầu không đề xuất áp dụng giám sát hoạt động đấu thầu thì để trống nội dung này.

Đối với gói thầu có giá dưới 500 triệu đồng, chủ đầu tư đề xuất người có thẩm quyền áp dụng hoặc không áp dụng việc chỉ cho phép nhà thầu sau được tham dự thầu: có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định áp dụng mà không có nhà thầu tham dự hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này. Việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp này căn cứ ghi chú (6).

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: ___[giải trình cơ sở phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu. Việc phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, dự toán mua sắm, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, dự toán mua sắm, không được chia công việc của dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, dự toán mua sắm năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu];

b) Giá gói thầu;

c) Nguồn vốn;

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

g) Loại hợp đồng;

h) Thời gian thực hiện gói thầu;

i) Tùy chọn mua thêm (nếu có);

k) Giám sát hoạt động đấu thầu (nếu có).

VI. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Trường hợp tại thời điểm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án, dự toán mua sắm có những phần công việc chưa đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì cần nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này tại Bảng số 4.

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
...		
Tổng giá trị [<i>kết chuyển sang Bảng số 5</i>]		

VII. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án, dự toán mua sắm hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		[<i>ghi giá trị</i>]

VIII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [*đơn vị trình*] đề nghị ___ [*người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu*] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: ___ [*ghi tên dự án, dự toán mua sắm*].

Kính trình [*người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu*] xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị thẩm định;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

DANH MỤC TÀI LIỆU
(Kèm theo Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu)

STT	Nội dung	Ghi chú
I	Đối với dự án	
1	<i>Quyết định phê duyệt dự án và các tài liệu có liên quan. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án là quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư.</i>	<i>Bản chụp</i>
2	<i>Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)</i>	<i>Bản chụp</i>
3	<i>Tài liệu về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công</i>	<i>Bản chụp</i>
4	<i>Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023.</i>	<i>Bản chụp</i>
5	<i>Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023.</i>	<i>Bản chụp</i>
6	<i>Văn bản pháp lý có liên quan</i>	
II	Đối với dự toán mua sắm	
1	<i>Tài liệu về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (nếu có)</i>	<i>Bản chụp</i>
2	<i>Văn bản pháp lý có liên quan</i>	

4. Thẩm định và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư công nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tại TTPVHCC tiếp nhận hồ sơ và chuyển về Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức phân công thẩm định (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành thẩm định và ban hành Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) theo ủy quyền của UBND tỉnh hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt (tối đa 9,5 ngày).

- Bước 4: UBND tỉnh Quyết định phê duyệt điều chỉnh KHLCNT (tối đa 4,5 ngày).

- Bước 5: Văn phòng UBND tỉnh trả kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (tối đa 0,5 ngày).

☞ Lưu ý:

+ *Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư có trách nhiệm xem xét, gửi thông báo qua hộp thư điện tử của người nộp hồ sơ biết về hồ sơ đã đủ điều kiện thẩm định và trình phê duyệt.*

+ *Sau khi nhận được thông báo về việc thẩm định điều chỉnh KHLCNT, trong thời gian 02 ngày làm việc chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ điều chỉnh KHLCNT bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử đến Sở Kế hoạch và Đầu tư theo đường bưu điện - Địa chỉ số 626, QL14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để Sở Kế hoạch và Đầu tư đối chiếu và lưu hồ sơ theo định.*

+ *Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ chủ đầu tư đã gửi qua mạng điện tử nếu nội dung đối chiếu thống nhất*

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến.
- Hoặc thông qua hệ thống bưu chính công ích.
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình phê duyệt điều chỉnh KHLCNT.

- Quyết định phê duyệt KHLCNT (đã phê duyệt trước đó).

- Các hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến việc điều chỉnh KHLCNT (như quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán, khi nộp hồ sơ trực tuyến chỉ Scan giá trị tổng mức đầu tư, dự toán được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc Thông báo kết quả thẩm định dự án của cơ quan có thẩm quyền).

- Các tài liệu chứng minh nguồn vốn cho dự án (nếu có).

- Các văn bản chỉ đạo, kết luận của cấp có thẩm quyền liên quan (nếu có).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, trong đó:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định: 10 ngày làm việc.

- UBND tỉnh phê duyệt: 05 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu do UBND tỉnh phê duyệt.

- Quyết định phê duyệt điều chỉnh (đối với trường hợp ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt).

- Văn bản phúc đáp (đối với trường hợp KHLCNT điều chỉnh không đủ điều kiện để phê duyệt).

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023:

- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

5. Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tại TTPVHCC tiếp nhận hồ sơ và chuyển về Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức phân công thẩm định (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan (tối đa 07 ngày đối với dự án nhóm B, 05 ngày đối với dự án nhóm C).

- Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến góp ý và lập Báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt (tối đa 12,5 ngày đối với dự án nhóm B, 09 ngày đối với dự án nhóm C).

- Bước 5: UBND tỉnh Quyết định phê duyệt dự án (tối đa 9,5 ngày đối với dự án nhóm B, 9,5 ngày đối với dự án nhóm C).

- Bước 6: Văn phòng UBND tỉnh trả kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (tối đa 0,5 ngày).

☞ Lưu ý:

+ *Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư có trách nhiệm xem xét, gửi thông báo qua hộp thư điện tử của người nộp hồ sơ biết về hồ sơ đã đủ điều kiện thẩm định và trình phê duyệt.*

+ *Sau khi nhận được thông báo về việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng, trong thời gian 02 ngày làm việc chủ đầu tư nộp 07 bộ hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng bằng bản giấy, kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử đến Sở Kế hoạch và Đầu tư theo đường bưu điện - Địa chỉ số 626, QL14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để Sở Kế hoạch và Đầu tư đối chiếu và lưu hồ sơ theo quy định.*

+ *Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ chủ đầu tư đã gửi qua mạng điện tử nếu nội dung đối chiếu thống nhất.*

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến.
- Hoặc thông qua hệ thống bưu chính công ích.
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.
- Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền.
- Hồ sơ dự án.
- Báo giá thiết bị, hàng hóa hoặc kết quả thẩm định giá (trường hợp chủ đầu tư đã tổ chức thẩm định giá thiết bị, hàng hóa).
- Các văn bản chỉ đạo, thông báo kết luận của cấp thẩm quyền liên quan đến dự án (nếu có).
- Các tài liệu, văn bản hướng dẫn chuyên ngành có tính đặc thù liên quan đến dự án (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ: 07 bộ hồ sơ.**

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc đối với dự án nhóm B; 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm C, trong đó:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định:
 - + Dự án nhóm B: 20 ngày.
 - + Dự án nhóm C: 15 ngày.
- UBND tỉnh phê duyệt: Nhóm B 10 ngày, Nhóm C là 5 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt dự án do UBND tỉnh phê duyệt.
- Quyết định phê duyệt điều chỉnh (đối với trường hợp ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt).
- Văn bản phúc đáp (đối với trường hợp dự án không đủ điều kiện để phê duyệt).

h) Phí, lệ phí: Có (thực hiện theo định mức tỷ lệ % dự án đầu tư có cấu phần xây dựng được quy định tại Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng về công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

6. Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tại TTPVHCC tiếp nhận hồ sơ và chuyển về Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức phân công thẩm định (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan (tối đa 07 ngày đối với dự án nhóm B).

- Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến góp ý và lập Báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt (tối đa 12,5 ngày đối với dự án nhóm B).

- Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư trình, báo cáo UBND tỉnh, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Sau khi HĐND tỉnh chấp thuận, UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

- Bước 6: Trên cơ sở ý kiến của Bộ, ngành Trung ương, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (thời gian quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân).

- Bước 7: Văn phòng UBND tỉnh trả kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (tối đa 0,5 ngày).

☞ Lưu ý:

+ *Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư có trách nhiệm xem xét, gửi thông báo qua hộp thư điện tử của người nộp hồ sơ biết về hồ sơ đã đủ điều kiện thẩm định và trình phê duyệt.*

+ *Sau khi nhận được thông báo về việc thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ, trong thời gian 02 ngày làm việc chủ đầu tư nộp 07 bộ hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ bằng bản giấy, kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử đến Sở Kế hoạch và Đầu tư theo đường bưu điện - Địa chỉ số 626, QL14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để Sở Kế hoạch và Đầu tư đối chiếu và lưu hồ sơ theo quy định.*

+ *Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ chủ đầu tư đã gửi qua mạng điện tử nếu nội dung đối chiếu thống nhất.*

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp thông qua hệ thống bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

- Các văn bản chỉ đạo, thông báo kết luận của cấp thẩm quyền liên quan đến chủ trương đầu tư dự án (nếu có).

- Các tài liệu; quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan; hướng dẫn chuyên ngành có tính đặc thù liên quan đến dự án (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ:** 07 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, trong đó:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định: 20 ngày.

- HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư: không xác định được ngày, theo điều 10, khoản 3 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 trường hợp chương trình, dự án do các cấp quyết định chủ trương đầu tư, thời gian quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư: HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án do HĐND tỉnh phê duyệt.

- Văn bản phúc đáp (đối với trường hợp Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án không đủ điều kiện để phê duyệt).

h) Phí, lệ phí: Không có.**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:**

- Tên mẫu đơn: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (Mẫu số 05 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ).

- Mẫu Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (Mẫu số 04 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

7. Quyết định phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp về Sở Kế hoạch và Đầu tư. Địa chỉ số 626, QL14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư phân công Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư tổ chức thẩm định (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan (tối đa 07 ngày đối với dự án nhóm B, 05 ngày đối với dự án nhóm C).

- Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến góp ý và lập Báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt (tối đa 12,5 ngày đối với dự án nhóm B, 9,5 ngày đối với dự án nhóm C).

- Bước 5: Cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (thời gian quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân).

- Bước 6: Văn phòng UBND tỉnh trả kết quả về Sở Kế hoạch và Đầu tư (tối đa 0,5 ngày).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

- Các văn bản chỉ đạo, thông báo kết luận của cấp thẩm quyền liên quan đến chủ trương đầu tư dự án (nếu có).

- Các tài liệu: quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan; hướng dẫn chuyên ngành có tính đặc thù liên quan đến dự án (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ: 07 bộ hồ sơ.**

d) Thời hạn giải quyết:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định:

+ Dự án nhóm B: 20 ngày.

+ Dự án nhóm C: 15 ngày.

- Cấp có thẩm quyền phê duyệt: không xác định được ngày, theo điều 10, khoản 3 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 trường hợp chương trình, dự án do Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư, thời gian quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư: UBND tỉnh (dự án nhóm C), HĐND tỉnh (đối với dự án nhóm B, nhóm C trọng điểm).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án do HĐND tỉnh phê duyệt.

- Văn bản phúc đáp (đối với trường hợp Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án không đủ điều kiện để phê duyệt).

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

- Tên mẫu đơn: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (Mẫu số 05 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ).

- Mẫu Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (Mẫu số 04 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu số 01**TÊN CƠ QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương
đầu tư dự án.....**

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Dự án nhóm:

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:

4. Cấp quyết định đầu tư dự án:

5. Tên chủ đầu tư (nếu có):

6. Địa điểm thực hiện dự án:

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn).

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:

9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:

10. Thời gian thực hiện (tiên độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):

11. Hình thức đầu tư của dự án:

12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Kèm theo đầy đủ các hồ sơ theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Mẫu số 02 TÊN CƠ
QUAN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm ...

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư dự án

Kính gửi: (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Dự án nhóm:

3. Cấp quyết định đầu tư dự án:

4. Tên chủ đầu tư (nếu có):

5. Địa điểm thực hiện dự án:

6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn):

7. Thời gian thực hiện:

8. Các thông tin khác (nếu có):

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN: Báo cáo đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 của Luật Đầu tư công.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

8. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công

a) Trình tự thực hiện: Căn cứ Điều 67 Luật Đầu tư công và Điều 46 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (Nghị định số 40/2020/NĐ-CP).

(1) Đối với việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công (Sở Kế hoạch và Đầu tư) rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn NSTW của địa phương mình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính:

+ Thẩm định phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

+ Chủ trì thẩm định phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương trong nội bộ và giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

(2) Đối với việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP.

- Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ sự cần thiết đầu tư, khả năng thu NSNN (nguồn thu dành cho đầu tư công), yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công (Sở Kế hoạch và Đầu tư) rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

- Gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.

(3) Đối với việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn NSTW

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương giữa các dự án thuộc danh mục đã được cấp có thẩm quyền quyết định nhưng không vượt quá tổng mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch;

- Gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi đối với vốn ngân sách trung ương.

(4) Đối với việc điều chỉnh kế hoạch hằng năm

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu thuộc quản lý của cấp mình nhưng không vượt quá tổng mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch;

- Gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Các Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố báo cáo, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Đầu tư công.

II. LĨNH VỰC THUỘC PHÒNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH

9. Lập quy hoạch tỉnh.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, UBND cấp huyện xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch báo cáo UBND cấp tỉnh xem xét

- Bước 2: Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư) tổ chức lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, UBND cấp huyện nghiên cứu xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch.

- Bước 3: Các cơ quan, tổ chức liên quan, UBND cấp huyện đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư).

- Bước 4: Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư) hoàn thiện quy hoạch tham mưu UBND tỉnh (cơ quan tổ chức lập quy hoạch) gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp huyện, UBND các tỉnh liên kề địa giới hành chính.

- Bước 5: Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư) tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch, tham mưu UBND tỉnh (cơ quan tổ chức lập quy hoạch) trình Hội đồng thẩm định quy hoạch.

- Bước 6: Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư) hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình UBND tỉnh (cơ quan tổ chức lập quy hoạch).

- Bước 7: UBND tỉnh (cơ quan tổ chức lập quy hoạch) trình HĐND tỉnh xem xét thông qua quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình.
- Báo cáo quy hoạch.
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt Quy hoạch.
- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch.

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn lập quy hoạch tỉnh không quá 30 tháng tính từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

- Thời hạn lấy ý kiến dự thảo quy hoạch ít nhất 30 ngày tính từ ngày gửi hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định gửi hồ sơ tới các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch để lấy ý kiến.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch phải gửi lấy ý kiến bằng văn bản tới cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch để tổng hợp.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được được ít nhất ba phần tư (3/4) ý kiến tham gia thẩm định bằng văn bản của thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch tổng hợp ý kiến gửi thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch, tư vấn phản biện độc lập (nếu có) và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch về việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định quy hoạch.

- Trong thời hạn không quá 45 ngày kể từ ngày quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm được phân công rà soát, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch để thống nhất với văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch, đóng dấu vào báo cáo tổng hợp quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch theo mẫu được quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 và chịu trách nhiệm về hồ sơ quy hoạch sau khi đã rà soát, hoàn thiện.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch (UBND tỉnh).
- Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư).

e) Cơ quan thực hiện chủ trì thẩm định: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt Quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ.

h) Phí, lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Căn cứ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trong cùng giai đoạn phát triển.

- Quy hoạch cao hơn.

- Quy hoạch thời kỳ trước.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017.

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

10. Đề nghị điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: UBND tỉnh (cơ quan tổ chức lập quy hoạch) trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch tỉnh; Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, UBND cấp huyện xây dựng nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch báo cáo UBND cấp tỉnh xem xét.

- Bước 2: Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư) tổ chức lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, UBND cấp huyện nghiên cứu xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch.

- Bước 3: Các cơ quan, tổ chức liên quan, UBND cấp huyện đề xuất nội dung điều chỉnh quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư).

- Bước 4: Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư) hoàn thiện các nội dung điều chỉnh quy hoạch tham mưu UBND tỉnh (cơ quan tổ chức lập quy hoạch) gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp huyện, UBND các tỉnh liên kê địa giới hành chính.

- Bước 5: Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư) tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch, tham mưu UBND tỉnh (cơ quan tổ chức lập quy hoạch) trình Hội đồng thẩm định quy hoạch.

- Bước 6: Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư) hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình UBND tỉnh (cơ quan tổ chức lập quy hoạch).

- Bước 7: UBND tỉnh (cơ quan tổ chức lập quy hoạch) trình HĐND tỉnh xem xét thông qua điều chỉnh quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình.
- Báo cáo điều chỉnh quy hoạch.
- Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch.
- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về điều chỉnh quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang

Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về điều chỉnh quy hoạch.

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh không quá 30 tháng tính từ ngày chủ trương điều chỉnh quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

- Thời hạn lấy ý kiến dự thảo điều chỉnh quy hoạch ít nhất 30 ngày tính từ ngày gửi hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định gửi hồ sơ tới các thành viên Hội đồng thẩm định nội dung điều chỉnh quy hoạch để lấy ý kiến.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, các ủy viên phản biện trong Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch phải gửi lấy ý kiến bằng văn bản tới cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch để tổng hợp.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch (UBND tỉnh).

- Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư).

e) Cơ quan thực hiện chủ trì thẩm định: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ.

h) Phí, lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Có sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực làm thay đổi mục tiêu quy hoạch.

- Có sự điều chỉnh của quy hoạch cao hơn làm thay đổi nội dung quy hoạch hoặc có sự mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp.

- Có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, quy mô không gian lãnh thổ của quy hoạch.

- Do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, chiến tranh làm thay đổi mục tiêu, định hướng, tổ chức không gian lãnh thổ quy hoạch.

- Do biến động bất thường của tình hình kinh tế - xã hội làm hạn chế nguồn lực thực hiện.

- Do sự phát triển của khoa học, công nghệ làm thay đổi cơ bản việc thực hiện quy hoạch.

- Do yêu cầu đảm bảo quốc phòng an ninh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017.

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

11. Cung cấp thông tin quy hoạch.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức cá nhân có yêu cầu được cung cấp thông tin quy hoạch

- Bước 2: Cơ quan lập quy hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư) cung cấp thông tin quy hoạch đã được phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Cung cấp bằng văn bản hoặc thông tin trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* **Thành phần hồ sơ:** Không quy định.

* **Số lượng hồ sơ:** Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày (không tính ngày nghỉ, lễ, tết) kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin quy hoạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức cá nhân có yêu cầu

e) Cơ quan thực hiện chủ trì thẩm định: Không

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông tin quy hoạch tỉnh Bình Phước đã được phê duyệt trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

h) Phí, lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017.

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.
